

Số: 5456461

|                                                | New Mazda CX-8 2.5 Luxury<br>(thêm tùy chọn)  | PEUGEOT 408 SPORT EDITION<br>ALLURE |
|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>949.000.000đ</b>                           | <b>1.039.000.000đ</b>               |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                                               |                                     |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4900 x 1840 x 1730                            | 4.687 x 1.850 x 1.510               |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2930                                          | 2.787                               |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5800                                          |                                     |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 200                                           | 189                                 |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1770                                          |                                     |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 2365                                          |                                     |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 209                                           |                                     |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 72                                            |                                     |
| Số chỗ ngồi                                    | 7                                             |                                     |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước                              |                                     |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                                               |                                     |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 2.5L                               | 1.6 Turbo PureTech                  |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 2488                                          |                                     |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 188 / 6000                                    | 218 @ 5.500                         |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 252 / 4000                                    | 300 @ 2.000                         |
| Hộp số                                         | 6AT                                           | Tự động 8 cấp                       |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                               |                                     |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson                            |                                     |
| Hệ thống treo sau                              | Liên kết đa điểm                              |                                     |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                           |                                     |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                           |                                     |
| Thông số lốp xe                                | 225/55 R19                                    | 225/55 R18                          |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 10.53                                         |                                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 7.42                                          |                                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 8.58                                          |                                     |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                             |                                     |
| Chế độ lái                                     | Normal / Sport                                |                                     |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao(GVC Plus) | -                                   |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                                               |                                     |
| Cụm đèn trước                                  | LED Projector                                 | LED                                 |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                             | ●                                   |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                             |                                     |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | ●                                             |                                     |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                                             |                                     |
| Đèn sương mù                                   | LED                                           |                                     |
| Cụm đèn sau                                    | LED                                           | ●                                   |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                                             |                                     |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                             | ●                                   |
| Cửa sổ trời                                    | ●                                             | -                                   |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                                               |                                     |

|                                            |                     |               |
|--------------------------------------------|---------------------|---------------|
| Vô lăng bọc da                             | ●                   | ●             |
| Chất liệu ghế                              | Da (Nappa)          | Da            |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                   | ●             |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                   |               |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện       | ●                   | -             |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi           | ●                   |               |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                   |               |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | Analog & Digital 7" | 10-inch       |
| Màn hình HUD                               | ●                   |               |
| Màn hình giải trí trung tâm                | 8"                  | 10-inch       |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto         | ● (Không dây)       |               |
| Hệ thống điều hòa tự động                  | ●                   |               |
| Số vùng khí hậu điều hòa                   | 3                   |               |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                   | Tự động             |               |
| Chìa khóa thông minh                       | ●                   |               |
| Khởi động nút bấm                          | ●                   |               |
| Hệ thống âm thanh                          | 10 loa Bose         | 6 loa         |
| Phanh đỗ điện tử                           | ●                   |               |
| Giữ phanh tự động Autohold                 | ●                   |               |
| Rèm che nắng                               | Chỉnh tay           |               |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                 | ●                   |               |
| <b>AN TOÀN:</b>                            |                     |               |
| Số túi khí                                 | 6                   | 6             |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●                   |               |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●                   |               |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA          | ●                   |               |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS       | ●                   |               |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | ●                   |               |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ●                   |               |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | ●                   |               |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | ●                   |               |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | ●                   |               |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Trước/Sau           | Phía sau      |
| Hệ thống điều khiển hành trình             | ●                   | ●             |
| Camera lùi                                 | ●                   | Phía sau 180° |